PHƯƠNG AN BỒI THƯƠNG, HỖ TRỢ TAI SAN, HOA MAU GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THU HỒI GPMB THỰC HIỆN DỰ AN CAI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯƠNG GIAO THÔNG XÃ ĐẠI SƠN; ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG TỈNH 391 ĐẾN NVH THÔN PHƯƠNG QUẤT (NAY LÀ THÔN KỲ SƠN, XÃ ĐẠI SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG) (ĐỢT 3)

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi, BTHT (m2)				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)		Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
						Đất	Tài sản, vật kiến trúc	
		Tổng	ONT	CLN	DGT			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7+8*
1	Nguyễn Văn Long	22,5		22,5		0	192.901.000	192.901.000
2	Đoàn Văn Nhượng	6,9		6,9		0	34.579.000	34.579.000
3	Nguyễn Ngọc Quế	18,1	18,1			0	103.593.000	103.593.000
4	Nguyễn Văn Thi	12,2	12,2			0	13.794.000	13.794.000
5	Đoàn Hữu Nghị	7,8		7,8		0	73.647.000	73.647.000
6	Nguyễn Thị Liên	12,0	3,0	9,0		0	87.180.000	87.180.000
7	Đoàn Minh Tươi	12,1		12,1		0	41.322.000	41.322.000
8	Đoàn Văn Hưng	20,7		20,7		0	38.171.000	38.171.000
9	Phạm Thị Xuân	17,0		17,0		0	21.152.000	21.152.000
10	Lương Thị Phượng	30,5	30,5			0	72.873.000	72.873.000
11	Dương Văn Thuẫn	6,7	6,7			0	59.973.000	59.973.000
12	Nguyễn Văn Hưng	13,7		13,7		0	55.709.000	55.709.000
13	Đoàn Văn Quê	7,5		7,5		0	32.002.000	32.002.000
14	Đoàn Văn Điển	7,4		7,4		0	80.916.000	80.916.000

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi, BTHT (m2)				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)		Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
						Đất	Tài sản, vật kiến trúc	
15	Nguyễn Thị Tranh	4,4	4,4			0	6.983.000	6.983.000
16	Nguyễn Văn Thuỵ	2,7		2,7		0	84.592.000	84.592.000
17	Đoàn Văn Tiến	55,1	55,1			0	294.520.000	294.520.000
18	Nguyễn Văn Đoàn	8,8		8,8		0	122.121.000	122.121.000
19	Đoàn Văn Thuỵ	13,0		13,0		0	7.531.000	7.531.000
20	Đoàn Văn Thoại	30,1		30,1		0	32.801.000	32.801.000
21	Nguyễn Văn Minh	17,2	17,2			0	152.695.000	152.695.000
22	Đoàn Văn Khánh	17,4		17,4		0	123.838.000	123.838.000
23	Đoàn Văn Quân	12,5		12,5		0	82.406.000	82.406.000
Cộng (làm tròn):		**356,3**	**147,2**	**209,1**		0	**1.815.299.000**	**1.815.299.000**
Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm mười lăm triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn								